

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm co và giảm điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm chứng khoán với thanh khoản tiếp tục ở mức thấp

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HBC, VJC

[Cập nhật công ty]

VHM, IDC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự đã đề cập và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn

13/09/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,248.40	-0.10
VN30	1,272.48	-0.24
HĐTL VN30F1M	1,272.00	-0.38
HNXIndex	281.59	-0.53
HNX30	500.53	-1.09
UPCoM	90.40	+0.17
USD/VND	23,541	+0.11
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.66	+0
Lãi suất qua đêm (%)	4.20	-7
Dầu (WTI, \$)	88.76	+1.12
Vàng (LME, \$)	1,724.10	-0.03



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,248.40 (-0.10%)
KLGD (triệu CP) 474.0 (+33.5%)
GTGD (triệu US\$) 541.6 (+18.5%)

HNXIndex 281.59 (-0.53%)
KLGD (triệu CP) 62.3 (+5.6%)
GTGD (triệu US\$) 51.4 (+9.1%)

UPCoM 90.40 (+0.17%)
KLGD (triệu CP) 28.8 (-8.8%)
GTGD (triệu US\$) 20.7 (+3.1%)

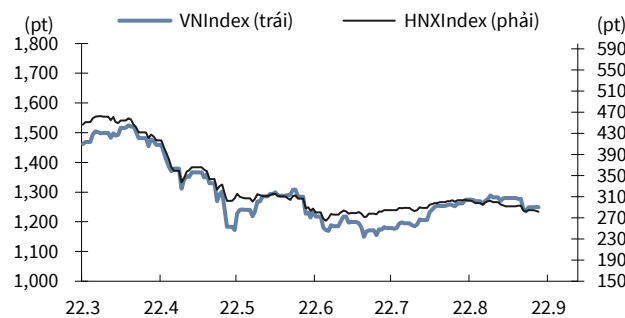
ĐTNN mua ròng (triệu US\$) -9.4

TTCK Việt Nam giảm co và giảm điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm chứng khoán với thanh khoản tiếp tục ở mức thấp. Khối ngoại quay trở lại bán ròng, tập trung ở SSI (-0.9%), FUEVFNVD (+0.8%), VCI (-0.3%).

Theo Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), trong tháng 8/2022, số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư mở mới đạt 155,456 tài khoản, giảm 22% so với tháng trước và là mức thấp nhất kể từ T11/2021 với thanh khoản thị trường ở mức thấp tác động tiêu cực đến cổ phiếu nhóm chứng khoán ở VND (-1.2%), SSI (-0.9%).

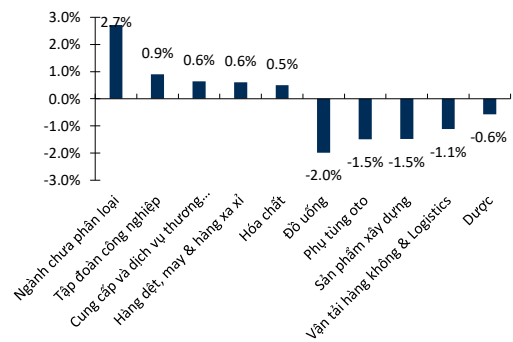
Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng gạo niêm vụ 2022/2023 chỉ đạt 508 triệu tấn, giảm 1.4% so với niên vụ 2021/2022 và 0.9% so với dự báo trước đó chủ yếu do tình hình thời tiết khô hạn tại Ấn Độ và Trung Quốc. Thông tin trên giúp cổ phiếu gạo tăng giá ở TAR (+4.2%), LTG (+3%).

VNIndex & HNXIndex



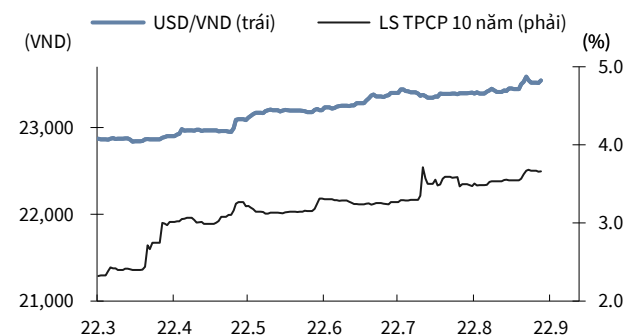
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



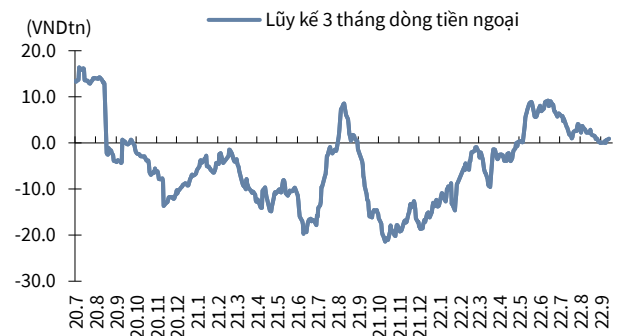
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

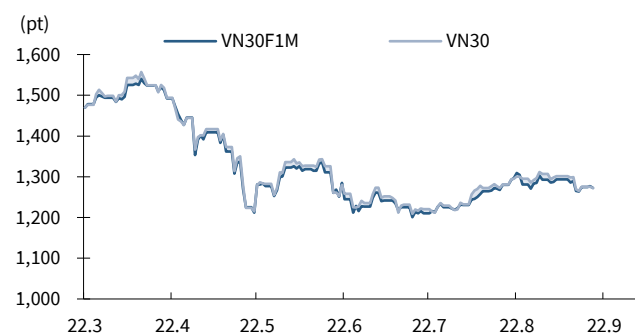
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,272.48 (-0.24%)
VN30F1M	1,272.0 (-0.38%)
Mở cửa	1,278.3
Cao nhất	1,278.8
Thấp nhất	1,272.0

KLGD (HĐ) **151,015 (-3.9%)**

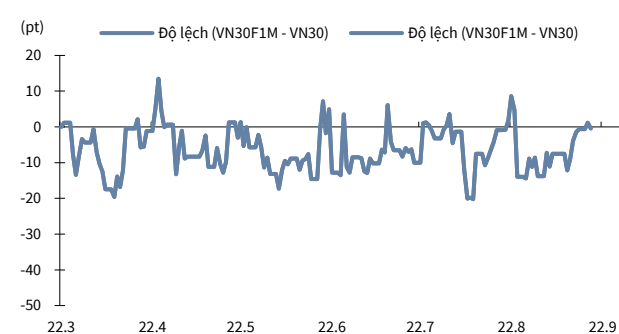
Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2209 và chỉ số VN30 mở cửa cao nhất phiên ở mức cao nhất ngày + 2.9 điểm, sau đó biến động giằng co trong phiên và xuống mức thấp nhất ngày ở mức - 2.6 điểm, trước khi đóng cửa ở mức - 0.5 điểm. Khối lượng giao dịch tiếp tục giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



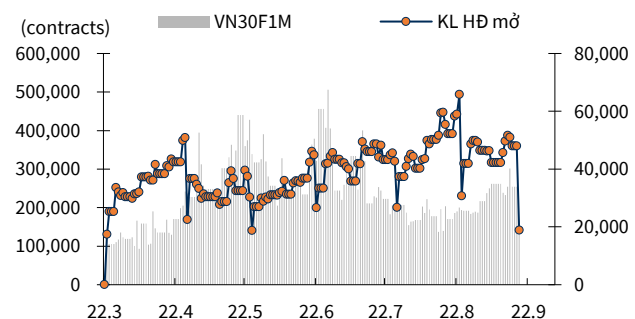
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



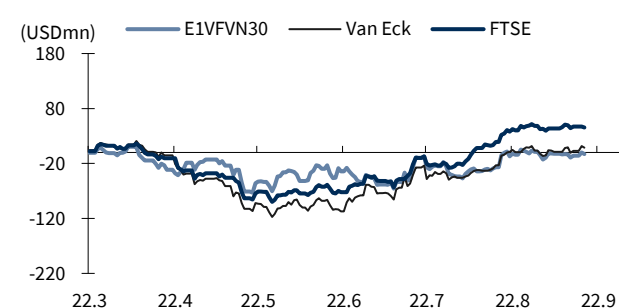
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

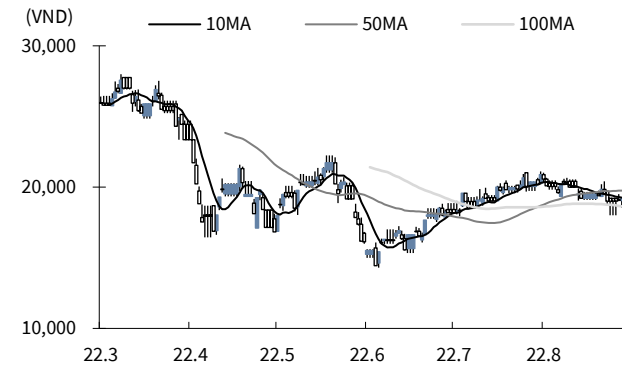
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

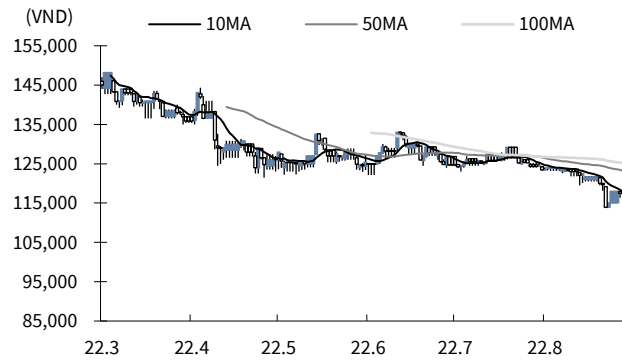
CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC giảm 0.52% xuống 19,200 VND/cp
- Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ký thỏa thuận hợp tác với Công ty Europa Dream Holding để cùng hợp tác tại dự án Khách sạn tại Hungary có tổng vốn đầu tư 30 triệu euro, diện tích gần 10,000 m² với quy mô 150 phòng. Trong đó, Hòa Bình làm tổng thầu thi công dự án này và góp không quá 20%.

CTCP Hàng không VIETJET (VJC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC giảm 0.09% xuống 117,400 VND/cp
- Vietjet thông qua chào bán riêng lẻ 34.8 triệu cổ phiếu cho 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, tương đương 6.43% lượng đang lưu hành, sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm với giá bán là 135,000 đồng/cp. theo đó, số tiền thu được dự kiến là 4,698 tỷ đồng sẽ được sử dụng 1,136 tỷ đồng để mua tàu bay, 1,242 tỷ đồng để thuê, mua động cơ sửa chữa tàu bay và bổ sung 2,320 tỷ đồng bổ sung nguồn thanh khoản và vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP (IDC)

Kỳ vọng thay đổi mạnh mẽ sau khi tái cấu trúc

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

07/09/2022

Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là đầu tư và phát triển KCN

IDC tiến hành tái cấu trúc tập trung vào 4 ngành nghề kinh doanh chính là đầu tư và phát triển KCN, Năng lượng, Bất động sản (BDS) nhà ở và thương mại và Dịch vụ KCN, trong đó lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là đầu tư và phát triển KCN, các lĩnh vực kinh doanh còn lại được chuyển sang các công ty con và tiến hành thoái vốn lĩnh vực ngoài ngành.

Chủ đầu tư tiên phong trong phát triển KCN với quỹ đất cho thuê lớn

IDICO là chủ đầu tư tiên phong và có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực đầu tư và phát triển KCN. Danh mục dự án của IDC gồm 10 dự án với tổng diện tích cho thuê là 2,341ha, diện tích cho thuê còn lại của IDC là 754.8ha. Kỳ vọng quỹ đất KCN của IDC sẽ tiếp tục mở rộng 2,000-2,500ha tại cả khu vực phía Bắc và Phía Nam.

KCN Hựu Thạnh, Phú Mỹ II và Phú Mỹ II mở rộng được kỳ vọng sẽ đảm bảo tăng trưởng cho IDC trong trung hạn

Các dự án KCN Hựu Thạnh, Phú Mỹ II và Phú Mỹ II mở rộng được kỳ vọng sẽ đảm bảo tăng trưởng cho IDC trong trung hạn nhờ khả năng cho thuê tốt và giá cho thuê cao. Doanh thu đóng góp ước tính của các dự án này đạt khoảng 18,500 tỷ VND.

Kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt

Doanh thu năm 2022 và 2023 ước đạt lần lượt 7,980 tỷ VND (+86%YoY) và 8,400 tỷ VND (+5%YoY), tương ứng với lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ 2,201 tỷ VND (+384%) và 2,364 tỷ VND (+7%).

Khuyến nghị MUA - Giá mục tiêu: 77,400VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu IDC với mức giá mục tiêu là 77,400VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 36% so với giá đóng cửa ngày 07/09/2022.

MUA

Giá mục tiêu	77,400VNĐ
Tăng/giảm (%)	36%
Giá hiện tại (07/09/2022)	57,100VNĐ
Giá mục tiêu đồng thuận	82,000VNĐ
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	18.9/0.8

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2020	2021	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,356	4,301	7,980	8,400
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,179	717	2,926	3,116
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	873	454	2,201	2,364
EPS (VNĐ)	2,900	1,498	7,337	7,881
Tăng trưởng EPS (%)	170	-48	390	7
P/E (x)	22.31	43.18	7.78	7.25
P/B (x)	4.65	4.98	4.24	3.25
ROE (%)	19	9	40	35
Tỷ suất cổ tức (%)	0	5%	4%	4%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	64.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	155.8/6.7
Sở hữu nước ngoài (%)	4.7%
Cổ đông lớn	SSG Group (22.5%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-8	29	-14	72
Tương đối	-7	34	3	29



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

13/09/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
 ngaphb@kbsec.com.vn

Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu thị trường Bất động sản (BDS)

Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu phân khúc BĐS nhà ở với thị phần trong phân khúc căn hộ ở tất cả các phân khúc trong giai đoạn 2016-2Q2022 lên tới 27%, cao hơn so với doanh nghiệp đứng thứ 2 là 4%. Vinhomes hiện đang sở hữu quỹ đất lên tới 168 triệu m² sàn giúp đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận và giữ vững thị phần trong các năm tới.

Mở bán thành công dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire

Dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire nằm tại Hưng Yên đã được Vinhomes mở bán vào cuối tháng 4 với khoảng 5,300 sản phẩm thấp tầng. Tính đến hết quý 2/2022, tỷ lệ hấp thụ của dự án đạt 86% với giá trị bán hàng đạt được là 49 nghìn tỷ VND. Dựa trên kết quả bán hàng tốt tại dự án The Empire, chúng tôi điều chỉnh ước tính giá trị bán hàng trong năm 2022 lên 117.8 nghìn tỷ VND (+49%YoY), tăng 34% so với báo cáo trước (Biểu đồ 2).

Dự án The Empire vẫn đang được xây dựng đúng tiến độ, dự kiến sẽ được bàn giao trong năm nay

Công tác xây dựng tại dự án The Empire vẫn đang đúng với tiến độ, khoảng 45% trong tổng số 12,600 căn dự kiến sẽ được bàn giao trong năm nay. Chúng tôi ước tính, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2022 và 2023 đạt lần lượt 30,878 tỷ VND (-20%YoY) và 34,744 tỷ VND (+13%YoY).

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 104,400VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu Vinhomes với giá mục tiêu là 104,400VND/cp, cao hơn 70% so với giá đóng cửa ngày 12/09/2022.

Mua duy trì

Giá mục tiêu 104,400VND

Tăng/giảm (%)	70%
Giá hiện tại (12/09/2022)	61,400VND
Giá mục tiêu đồng thuận	92,800VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	266.5/11.3

Dữ liệu giao dịch

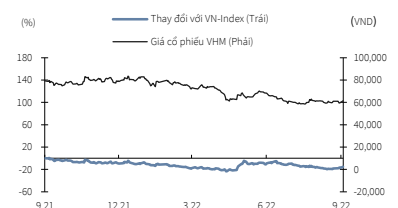
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	23.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	144.8/6.2
Sở hữu nước ngoài (%)	
Cổ đông lớn	Vingroup (66.66%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1	-10	-15	-22
Tương đối	2	-6	1	-15

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	71,547	84,986	99,495	107,643
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	37,306	47,665	39,792	44,661
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	27,351	38,825	30,878	34,744
EPS (VND)	8,166	8,916	7,091	7,979
Tăng trưởng EPS (%)	26	9	-20	13
P/E (x)	8.36	7.66	8.66	7.70
P/B (x)	2.67	2.38	1.59	1.58
ROE (%)	36	35	19	21
Tỷ suất cổ tức (%)	7	1	6	

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



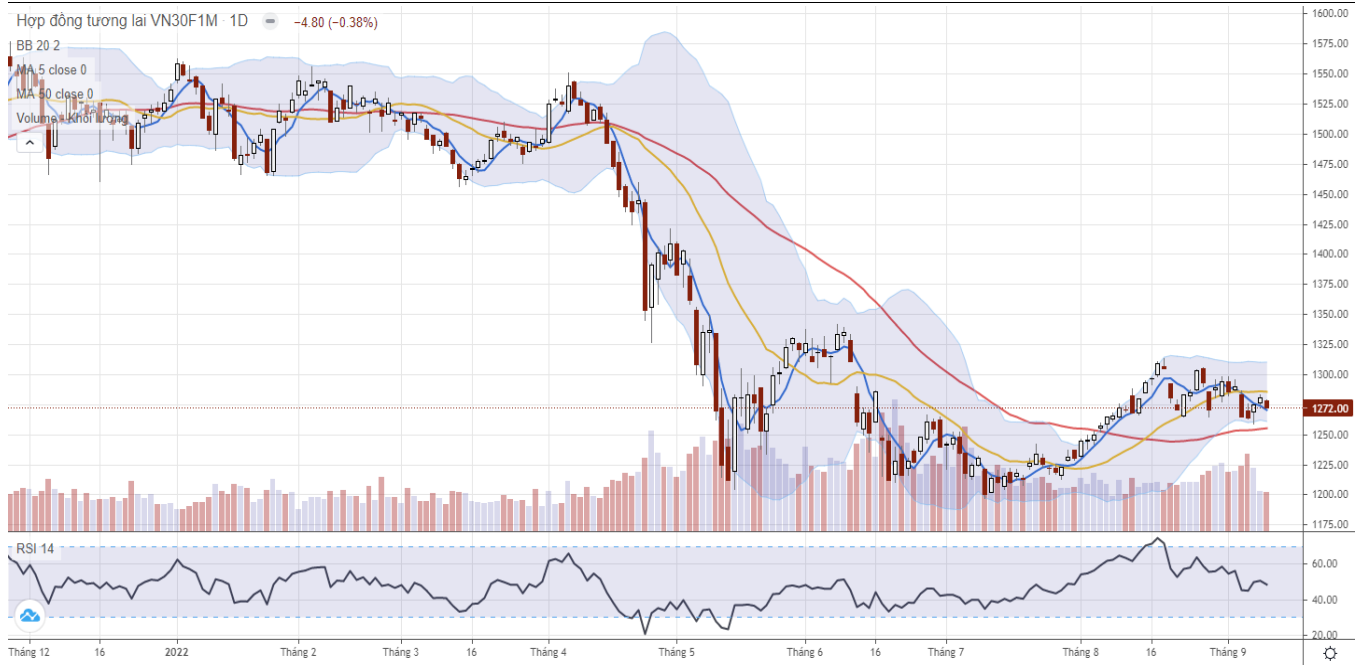
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm giảm co trong phiên trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy gia tăng quanh vùng hỗ trợ gần 124x đã giúp cho chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu. Thanh khoản sụt giảm trong hai phiên giảm điểm gần đây cho thấy lực cung giá cao là chưa quá lớn và chúng tôi kỳ vọng VNIndex có thể sớm phục hồi và hướng lên vùng cản gần quanh 126x trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự đã đề cập và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1286 - 1290

Kháng cự gần: 1278 - 1282

Hỗ trợ gần: 1261 - 1264

Hỗ trợ xa: 1252 - 1255

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên, F1 đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Phiên giao dịch hôm nay không có nhiều ý nghĩa về mặt xu hướng khi F1 một lần nữa quay đầu giảm điểm sau khi chạm cạnh trên của mẫu hình tam giác, tương ứng với đường MA100. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới, vùng hỗ trợ gần quanh 126x được kỳ vọng sẽ tiếp tục tạo điểm đỡ gần cho chỉ số.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

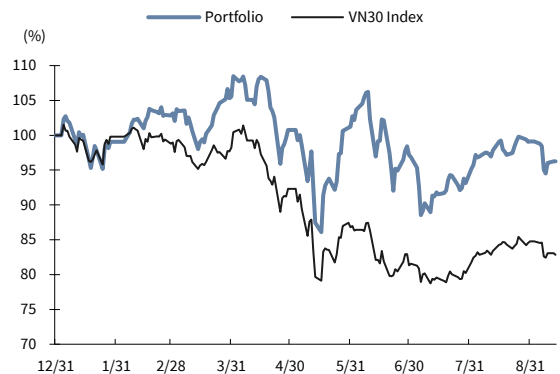
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.24%	0.04%
Tăng lũy kế (YTD)	-17.14%	-3.73%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/09/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	74,100	0.1%	91.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,300	0.0%	-14.7%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	113,000	0.7%	46.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	174,000	-1.1%	-8.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	86,000	1.1%	187.8%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cố tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,600	0.0%	248.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,500	1.7%	43.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	114,200	0.4%	54.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,700	-0.4%	113.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	30,600	-2.1%	204.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	1.0%	9.9%	76.5
PVD	5.0%	20.5%	72.3
HPG	-0.4%	13.3%	34.2
CTG	1.7%	32.0%	31.0
DBC	6.0%	41.1%	26.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SSI	-0.9%	10.6%	-98.9
FUEVFNVD	0.8%	54.9%	-63.6
VCI	-0.3%	62.8%	-28.4
DXG	0.0%	97.0%	-41.6
VND	-1.2%	2.8%	-37.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.2%	10.1%	48.1
TNG	0.0%	0.2%	1.3
MBS	0.6%	4.9%	1.0
CLH	1.1%	6.9%	0.4
BAX	-0.4%	2.4%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NET	0.0%	1.7%	-0.9
SLS	3.3%	1.2%	-0.8
IDC	-1.2%	9.8%	-0.7
SHS	0.8%	5.7%	-0.5
PVC	3.7%	8.4%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	8.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	5.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Tiện ích điện	2.8%	PGV, NT2, PPC, TTA
Sản xuất điện	2.7%	POW, VSH, GEG, TMP
Bán lẻ hàng chuyên dụng	1.5%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	-7.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Chứng khoán	-6.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Ngân hàng	-4.6%	VCB, BID, VPB, TCB
Thiết bị điện	-4.5%	GEX, SAM, CAV, RAL
Phụ tùng oto	-3.9%	DRC, CSM, PAC, TNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	24.4%	TLG, ILB, APC, ST8
Bán lẻ hàng chuyên dụng	16.2%	MWG, FRT, CTF, HAX
Ngành chưa phân loại	9.2%	CKG, PSH, NHH, ABS
Hóa chất	7.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Tập đoàn công nghiệp	6.5%	REE, BCG, PET, EVG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-8.4%	VPG, TSC, BTT, TNA
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-8.3%	TNH, JVC, VMD
Chứng khoán	-8.0%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	-7.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Bao bì & đóng gói	-5.8%	TDP, SVI, MCP, TPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	78,433 (3.3)	22.5	27.6	40.2	14.7	7.6	5.4	2.3	2.1	0.2	1.3	-3.2	-32.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	120,808 (5.2)	26.6	8.6	7.1	35.9	21.4	21.7	1.7	1.5	-1.1	-0.7	-0.8	-26.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	45,251 (1.9)	17.8	26.3	18.5	-7.6	7.7	10.1	2.0	1.9	-1.4	1.1	-3.4	-5.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	249,565 (10.6)	31.3	28.2	24.4	6.7	16.4	16.7	4.1	3.6	-0.5	1.7	2.5	-8.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	35,637 (1.5)	11.6	18.2	16.8	13.7	13.0	12.8	2.1	1.9	0.0	-1.1	-7.7	-22.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	274,033 (11.7)	13.9	15.6	13.5	-	11.2	11.6	1.0	1.0	0.0	-7.0	12.0	-29.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	94,749 (4.0)	6.3	13.8	11.5	11.7	21.9	22.7	2.7	2.2	-0.6	-5.0	-3.7	-0.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	64,374 (2.7)	12.7	13.3	10.2	-5.3	16.9	19.0	1.9	1.6	-0.3	-8.1	-6.1	-0.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	129,241 (5.5)	0.0	6.0	5.2	14.3	21.0	20.1	1.2	0.9	-0.5	-3.5	-3.9	-25.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	101,349 (4.3)	1.4	7.1	5.7	50.3	19.7	22.1	1.2	1.1	1.7	-2.7	-4.0	-18.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	407,933 (17.4)	0.0	7.1	7.0	18.8	20.8	17.3	1.3	1.1	0.2	-2.9	2.0	-14.8
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	217,081 (9.3)	0.0	6.0	5.2	14.6	24.1	23.3	1.3	1.0	-0.2	-4.7	0.0	-6.4
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	68,056 (2.9)	4.2	6.4	5.5	23.3	22.4	21.5	-	-	1.0	-3.0	2.0	-16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	267,748 (11.4)	14.0	10.2	4.5	26.5	11.5	17.6	1.1	1.0	-0.2	-6.7	10.1	-26.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	40,440 (1.7)	0.0	6.9	5.2	37.4	21.6	22.0	1.3	1.1	-0.4	-4.1	-6.1	-34.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	10,977 (0.5)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	1.5	2.0	3.2	-8.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	76,063 (3.2)	21.0	19.7	16.1	15.8	9.9	11.5	1.8	1.8	-0.2	-4.4	-2.9	0.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	10,982 (0.5)	14.2	15.5	13.8	9.1	12.8	13.6	1.7	1.6	-0.8	-1.0	4.0	-29.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	443,019 (18.9)	55.4	13.0	11.9	-3.2	15.2	13.1	-	-	-0.9	-8.8	13.1	-55.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	227,767 (9.7)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-0.3	-5.2	-3.1	-36.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	198,258 (8.5)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	2.4	-2.3	-5.9	-43.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	396,896 (16.9)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	-1.2	-7.2	11.8	-40.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	200,238 (8.5)	42.1	18.0	16.2	4.0	27.4	29.6	4.6	4.5	0.5	-2.7	5.3	-12.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	27,926 (1.2)	36.9	24.6	21.2	7.3	22.3	22.9	5.0	4.5	-2.1	1.3	4.9	26.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	71,378 (3.0)	16.5	28.9	20.7	-51.9	14.9	17.9	4.2	3.6	-0.9	-0.9	6.3	-20.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	67,002 (2.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-6.4	10.6	-49.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,732 (2.9)	11.0	-	-	-88.5	7.6	18.1	-	-	-0.1	-1.9	-5.6	-8.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	50,738 (2.2)	10.8	16.6	14.8	-57.0	13.7	14.1	2.2	2.0	-0.2	-3.4	-5.3	3.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	174,345 (7.4)	38.4	7.6	40.8	65.7	14.3	2.4	1.0	1.0	0.2	-6.8	-6.0	-52.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	0.0	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	246,311 (10.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.7	-7.6	-5.7	-43.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	50,076 (2.1)	3.6	274.1	13.1	-52.4	0.2	4.6	-	-	-0.7	-3.5	10.6	-37.2
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	95,938 (4.1)	0.0	12.6	12.0	-4.5	16.0	14.8	1.8	1.6	1.1	-0.3	6.7	43.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	56,055 (2.4)	46.1	15.2	16.2	-17.5	24.9	21.3	3.7	3.4	0.4	-2.0	-0.2	18.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	45,550 (1.9)	31.4	11.7	11.4	-10.5	18.2	16.8	1.9	1.7	0.2	7.9	16.3	14.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,151 (0.1)	34.1	20.9	9.4	-5.1	4.7	9.9	1.1	1.1	-0.6	-2.5	-0.6	-26.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	573,607 (24.5)	18.0	5.7	4.9	21.9	22.9	22.7	1.2	1.0	-0.4	0.6	-1.0	-33.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	192,211 (8.2)	36.5	4.4	7.0	-0.5	40.0	22.4	1.5	1.4	0.2	-0.8	12.2	5.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	220,829 (9.4)	46.5	6.5	9.4	-4.5	38.3	22.2	-	-	0.5	3.6	17.0	3.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	275,677 (11.7)	38.9	9.3	7.4	67.9	10.2	11.8	0.9	0.8	-2.3	-5.0	-3.2	-43.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	40,810 (1.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	-5.9	11.5	-44.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	65,953 (2.8)	4.6	26.6	14.5	-51.0	5.8	10.8	2.1	2.0	-0.4	-3.4	-4.4	-25.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	238,247 (10.2)	39.9	168.0	21.7	-11.9	0.3	4.2	0.8	0.9	5.0	4.5	17.2	-1.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	61,396 (2.6)	35.9	8.7	8.1	2.2	15.3	15.5	1.3	1.1	-0.5	-2.6	4.5	-8.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	310,179 (13.2)	0.0	18.7	14.3	14.4	25.3	27.2	3.5	2.9	0.1	1.6	17.6	9.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	63,206 (2.7)	0.0	15.6	13.6	2.4	25.3	22.5	3.1	2.7	0.7	-0.9	-0.4	17.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,291 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.1	-0.9	-7.7	-14.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	171,548 (7.3)	30.3	19.2	16.0	-75.2	26.8	25.4	4.6	3.5	-0.8	0.4	7.8	36.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	63,809 (2.7)	34.6	9.5	12.8	41.2	30.4	148.1	2.4	2.0	0.4	-4.9	-1.9	-5.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	847 (0.0)	45.4	13.6	12.5	10.7	22.2	21.7	-	-	-1.3	-1.3	-1.9	-19.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	131,404 (5.6)	0.0	17.3	14.1	15.5	29.3	28.5	4.3	3.4	0.0	-1.4	-2.2	9.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.